CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ NTT VIỆT NAM

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ NTT VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NTT VIET NAM TECHNOLOGY AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107542598

3. Ngày thành lập: 19/08/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 20, ngách 21, ngõ 72, đường Tựu Liệt, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0912.785.522* Fax:

Email: *congtycophanntt@gmail.com* Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất linh kiện điện tử	*2610*
2.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	*2620*
3.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	*2710*
4.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	*2811*
5.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	*2817*
6.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	*2821*
7.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	*2822*
8.	Sản xuất máy luyện kim	*2823*
9.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	*2824*
10.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	*2825*
11.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp Gồm có: Sản xuất thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm, thuốc diệt công trùng gặm nhấm, thuốc diệt cỏ (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép);	*2021*
12.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	*2023*
13.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu Gồm có: Trồng cây dược liệu;	*0128*
14.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	*0130*
15.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	*0210*

16.	Nuôi trồng thuỷ sản biển	*0321*
17.	Nuôi trồng thuỷ sản nội địa	*0322*
18.	Sản xuất giống thuỷ sản	*0323*
19.	Khai thác và thu gom than cứng	*0510*
20.	Khai thác và thu gom than non	*0520*
21.	Khai thác dầu thô	*0610*
22.	Khai thác khí đốt tự nhiên	*0620*
23.	Khai thác quặng sắt	*0710*
24.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	*0721*
25.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	*0722*
26.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	*0810*
27.	Chế biến và bảo quản rau quả	*1030*
28.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	*1062*
29.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Gồm có: Sản xuất thực phẩm chức năng;	*1079*
30.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản	*1080*
31.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	*1104*
32.	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa	*5022*
33.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	*4662*
34.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Gồm có: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép); - Bán buôn nguyên dược liệu; - Bán buôn thực phẩm chức năng;	*4669*
35.	Bán buôn tổng hợp	*4690*
36.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	*4711*
37.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	*4721*
38.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Gồm có: Bán lẻ thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán lẻ rau, quả	*4722*
39.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	*4723*
40.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	*4741*
41.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	*4753*
42.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	*4759*

43.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Gồm có: - Bán lẻ thực phẩm chức năng;	*4772*
44.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	*3600*
45.	Thoát nước và xử lý nước thải	*3700*
46.	Thu gom rác thải không độc hại	*3811*
47.	Thu gom rác thải độc hại	*3812*
48.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại Gồm có: Sản xuất phân bom pốt từ chất thải hữu cơ	*3821*
49.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	*3822*
50.	Đại lý, môi giới, đấu giá Gồm có: Đại lý;	*4610*
51.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Gồm có: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác;	*4620*
52.	Bán buôn gạo	*4631*
53.	Bán buôn thực phẩm Gồm có: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn rau, quả	*4632(Chính)*
54.	Bán buôn đồ uống	*4633*
55.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	*4649*
56.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	*4651*
57.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	*4652*
58.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	*4653*
59.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Gồm có: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tính ngưỡng khác	*4773*
60.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ Gồm có: Bán lẻ đồ uống lưu động hoặc tại chợ;	*4781*
61.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Gồm có: Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ phân bón; Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ	*4789*
62.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	*4933*
63.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	*7210*
64.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Gồm có: Hoạt động chuyển giao khoa học và công nghệ;	*7490*

65.	(Không bao gồm những ngành, nghề mà pháp luật cấm kinh doanh và chỉ kinhh doanh sau khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật);	*Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam*

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	MAI VĂN THIỆN	Số 11B, ngõ 230/96, tổ 9, Đinh Công Thượng, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	33,333	036079000082	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	33,333		
2	NGUYỄN THANH TỈNH	Thôn Đức Phú, Xã Tam Sơn, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	33,333	205390195	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	33,333		
3	LÊ TÀI NGỌC	Số 17 ngõ Sân Quần, phố Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	33,333	013245444	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	33,333		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần *(VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)*	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: LÊ TÀI NGỌC Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: *09/11/1978* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *013245444*

Ngày cấp: *07/12/2009* Nơi cấp: *Công an TP Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 17 ngõ Sân Quần, phố Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 20, ngách 21, ngõ 72, đường Tựu Liệt, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội